

## Bài giảng Kinh tế Vĩ mô 2

TS. Nguyễn Đức Thành

Email: [nguyen.ducthanh@vepr.org.vn](mailto:nguyen.ducthanh@vepr.org.vn) /Phone: 098 2298 105

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

NCS. Phạm Minh Thái

Email: [phamminhthai80@gmail.com](mailto:phamminhthai80@gmail.com) /Phone: 0904 33 73 44

Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

# Tài liệu tham khảo chính

---

- 1. Mankiw, Gregory. *Kinh tế học vĩ mô*. Worth Publishers, 2003.
- 2. Colander, David và Edward Gamber. *Kinh tế học vĩ mô*. Prentice Hall, 2002.
- 3. Scarth, William, *Kinh tế học vĩ mô: một tiếp cận tới phương pháp nâng cao*. Dryden, 1996.
- 4. David Romer, *Kinh tế học vĩ mô nâng cao*. McGraw-Hill Company, 1996.

# Tài liệu sử dụng thêm

---

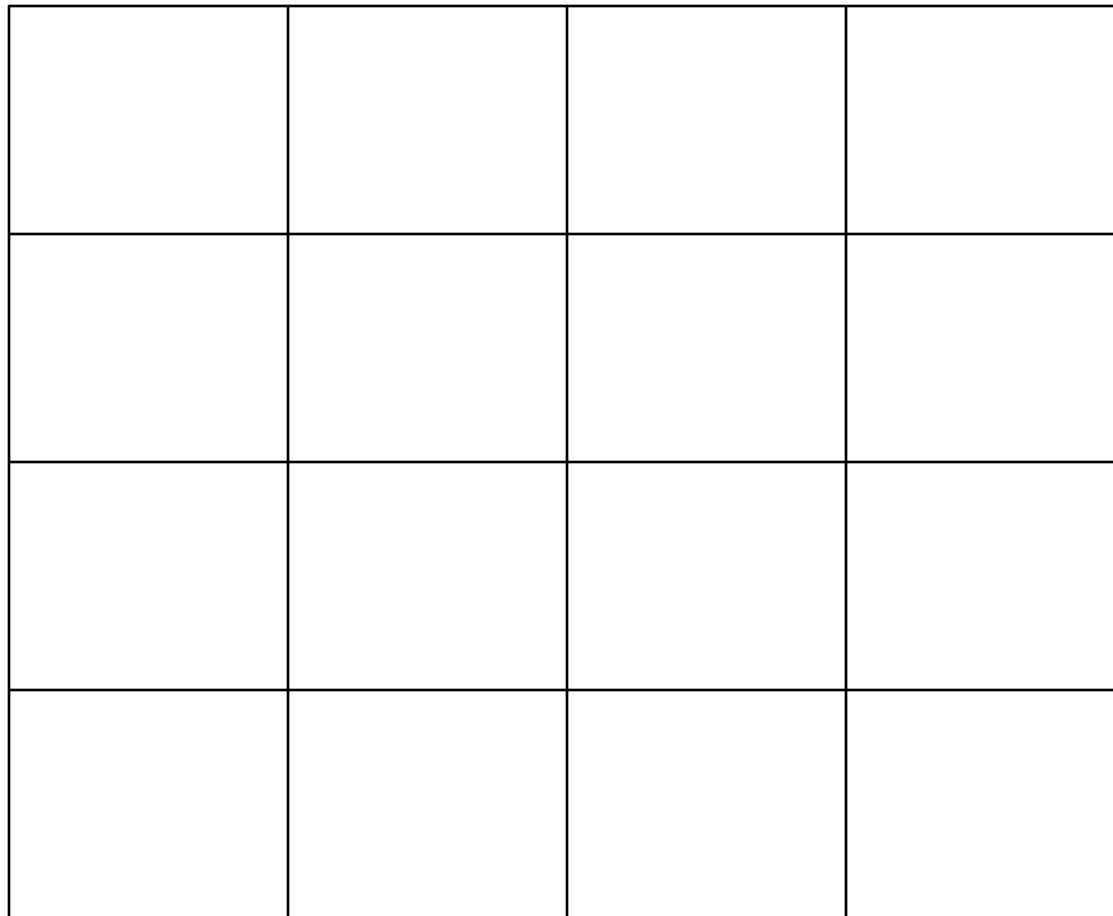
- Bài giảng tóm tắt (slides) cho mỗi buổi giảng.
- Các tài liệu đọc thêm khác do giảng viên phát trên lớp.

# CÁN BỘ LỚP

---

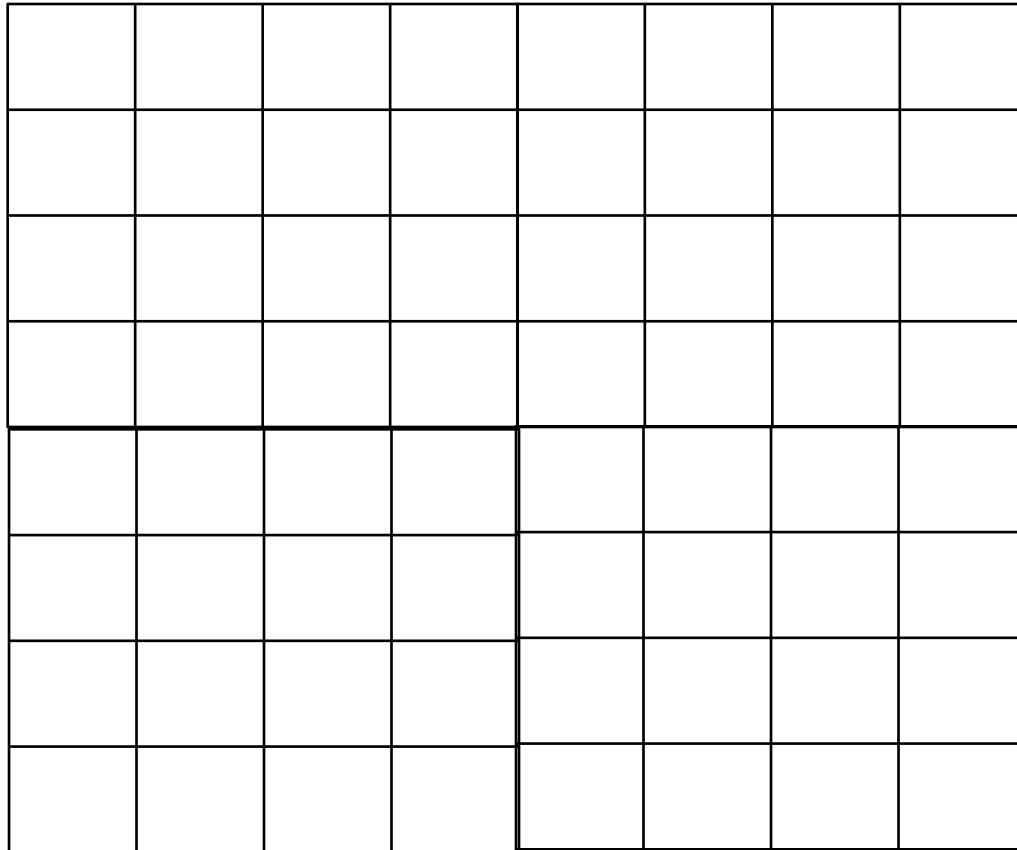
1. Lớp trưởng: Phạm Thị Khánh Linh KT (Doi ngoai, K 56)  
0938. 171193\_ [phamkhanhlinh93ktqt@gmail.com](mailto:phamkhanhlinh93ktqt@gmail.com)
2. Phó lớp trưởng: Nguyễn Phúc Thắng (KTPT – K 56)  
01672 433 [585\\_nobythang@gmail.com](mailto:585_nobythang@gmail.com)
2. Lớp phó: Nguyễn Thị Hoài Thanh (KT Doi ngoai, K 56) –  
0166 3056591\_ [hoaitanh.kute.2512@gmail.com](mailto:hoaitanh.kute.2512@gmail.com)

# Có bao nhiêu hình vuông?



# Có bao nhiêu hình vuông?

---



# BUỔI 01

---

## **GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2**

# Tổng quan chương trình

---

- Tuần 1-2: Giới thiệu chung (Ch. 1)
- Tuần 3: Mô hình AD-AS trong nền KT đóng (Ch. 2)
- Tuần 4: Trường phái Keynes và cổ điển (Ch.3)
- Tuần 5: Thảo luận và làm bài tập chương 1+2+3
- Tuần 6: Nền kinh tế mở (Ch.4)
- Tuần 7: Mô hình Mundell-Fleming (Ch. 5)
- Tuần 8: Mô hình IS-LM-BP (Ch.6)



# Tổng quan chương trình

---

- Tuần 9: Thảo luận chương 4+5+6 và kiểm tra giữa kỳ
- Tuần 10: Mô hình tăng trưởng kinh tế của Solow (Ch.7)
- Tuần 11: Mô hình tăng trưởng kinh tế của Solow (Ch.7)
- Tuần 12: Lý thuyết tăng trưởng mới (Ch.8)
- Tuần 13: Cuộc tranh luận về CSKTVM (Ch.9)
- Tuần 14: Thảo luận và làm bài tập chương 7+8+9
- Tuần 15: Ôn tập cuối kỳ

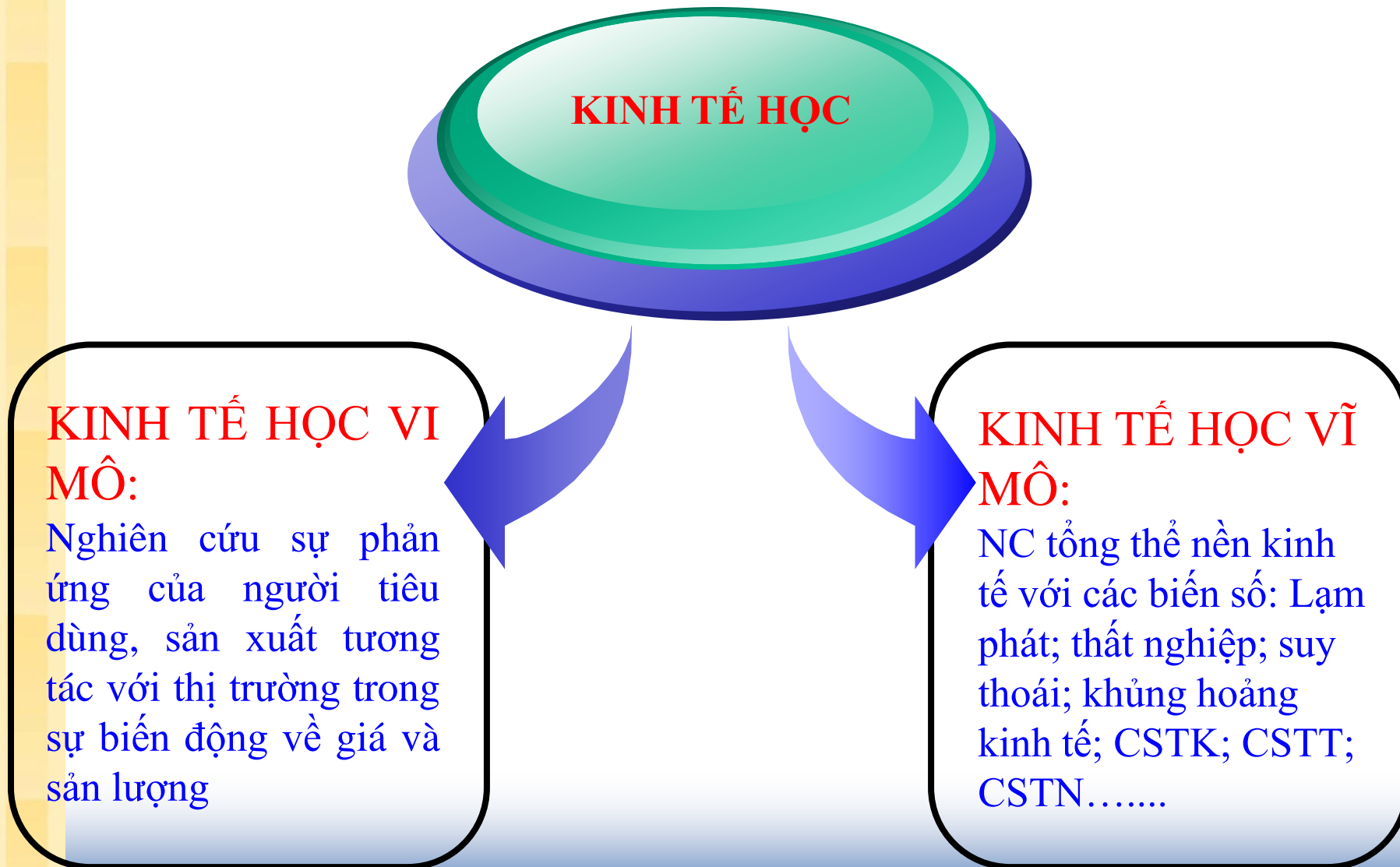
# Nội dung chương 1

---

Chương I giới thiệu:

- 1.1 Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu của kinh tế vĩ mô
- 1.2 Hình thức tiếp cận nghiên cứu
- 1.3 Dữ liệu của kinh tế vĩ mô
  - 1.3.1 Đo lường hoạt động kinh tế
  - 1.3.2 Đo lường lạm phát
  - 1.3.3 Đo lường tỷ lệ thất nghiệp

# Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu kinh tế vĩ mô



# Mục tiêu và công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô

## Mục tiêu

- Hiệu quả
- Ổn định
- Công bằng
- Tăng trưởng

## Công cụ

### Chính sách tài khóa:

- C/S thuế
- C/S chi tiêu CP

### Chính sách tiền tệ:

- lãi suất chiết khấu
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- Nghiệp vụ TT mở

### Chính sách ngoại thương:

- Tỷ giá

# Các mô hình kinh tế

---

- ... là các mô hình đơn giản hóa nền kinh tế thực
- *loại bỏ các yếu tố không cần thiết*

## **Mục đích:**

- Mô tả mối quan hệ giữa các biến số kinh tế
- Giải thích sự vận hành của nền kinh tế
- Gợi ý các chính sách để cải thiện hiệu quả của nền kinh tế

# Biến nội sinh và biến ngoại sinh

- Giá trị của các **biến nội sinh** được xác định bên trong mô hình
- Giá trị của các **biến ngoại sinh** được xác định bên ngoài mô hình. Các mô hình đều giả định giá trị và sự vận động của các biến này là cho trước
- Trong mô hình cung cầu đối với bánh Pizza  
biến nội sinh:  **$P, Q^d, Q^s$**   
biến ngoại sinh:  **$Y, P_s$**

# Sự đa dạng của các mô hình

---

Không có mô hình nào có thể đề cập được hết các vấn đề mà chúng ta quan tâm. Ví dụ:

- Muốn xem sự suy giảm trong tổng thu nhập ảnh hưởng thế nào tới giá của ô tô mới, chúng ta có thể sử dụng mô hình cung-cầu cho ô tô mới
- Nhưng nếu muốn biết tại sao tổng thu nhập giảm, chúng ta cần một mô hình khác

# Sự đa dạng của các mô hình

---

- Vì vậy chúng ta sẽ nghiên cứu các mô hình khác nhau cho những vấn đề khác nhau (vd: thất nghiệp, lạm phát và tăng trưởng dài hạn).
- Với mỗi mô hình mới cần nắm rõ:
  - ✓ Giả định của mô hình
  - ✓ Những biến số nào là biến nội sinh, biến nào là biến ngoại sinh
  - ✓ Những câu hỏi mà mô hình có thể giúp chúng ta tìm ra được câu trả lời
  - ✓ Và những câu hỏi nào mà mô hình không thể giúp trả lời được



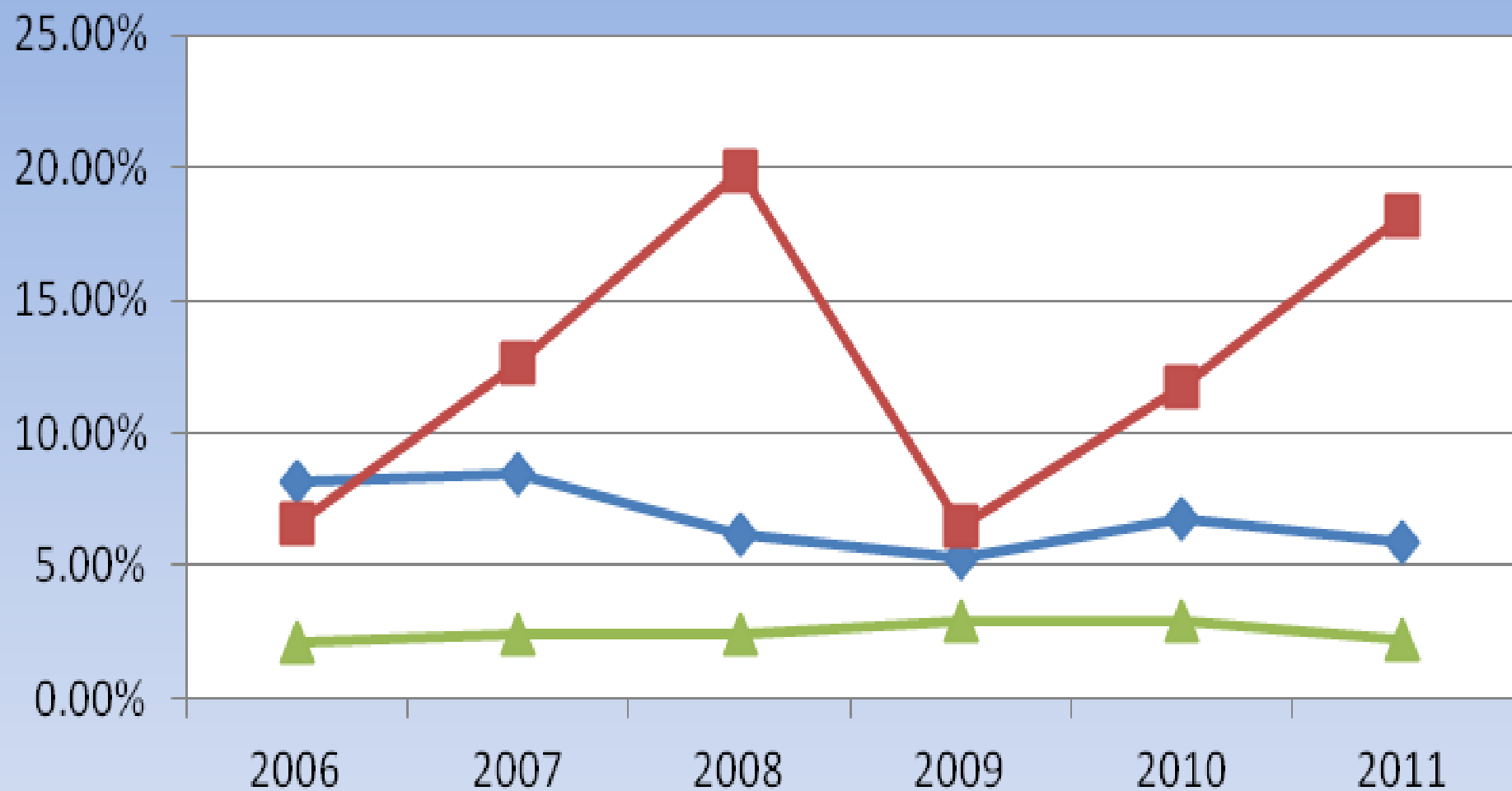
# Các chỉ số kinh tế vĩ mô cơ bản

---

**1. GDP**

**2. Lạm phát**

**3. Thất nghiệp**



—◆— Tỷ lệ tăng GDP

—■— Lạm phát (so với tháng 12 của năm trước)

—▲— Tỷ lệ thất nghiệp

# Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)

---

Hai cách định nghĩa:

1. Tổng chi tiêu trên hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước.
2. Tổng thu nhập của các yếu tố sản xuất trong nước.

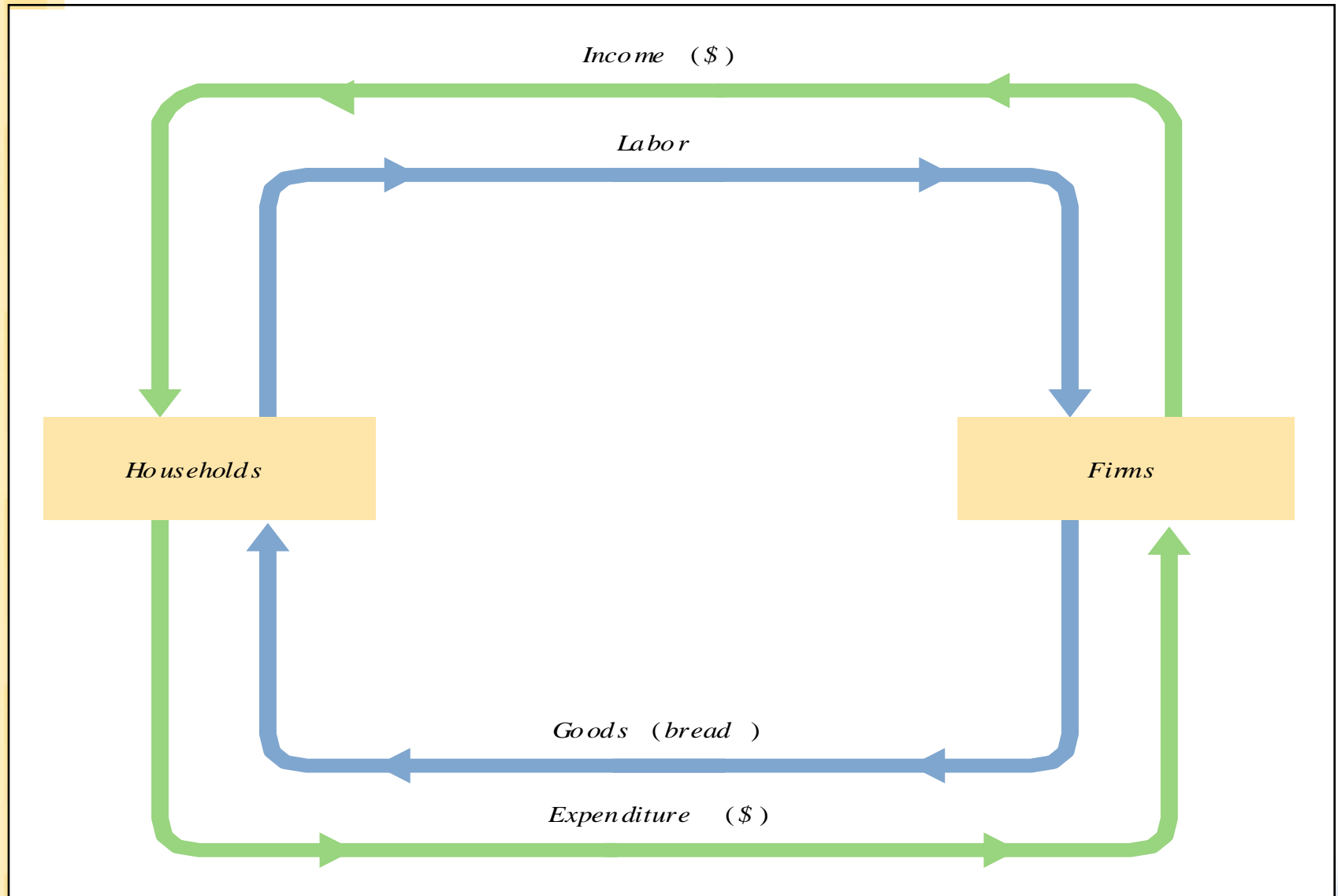
# Vì sao chi tiêu = thu nhập?

---

Trong các giao dịch, chi tiêu của người mua trở thành thu nhập của người bán.

Vì vậy, tổng chi tiêu sẽ bằng tổng thu nhập.

# Vòng chu chuyển



# Giá trị gia tăng

---

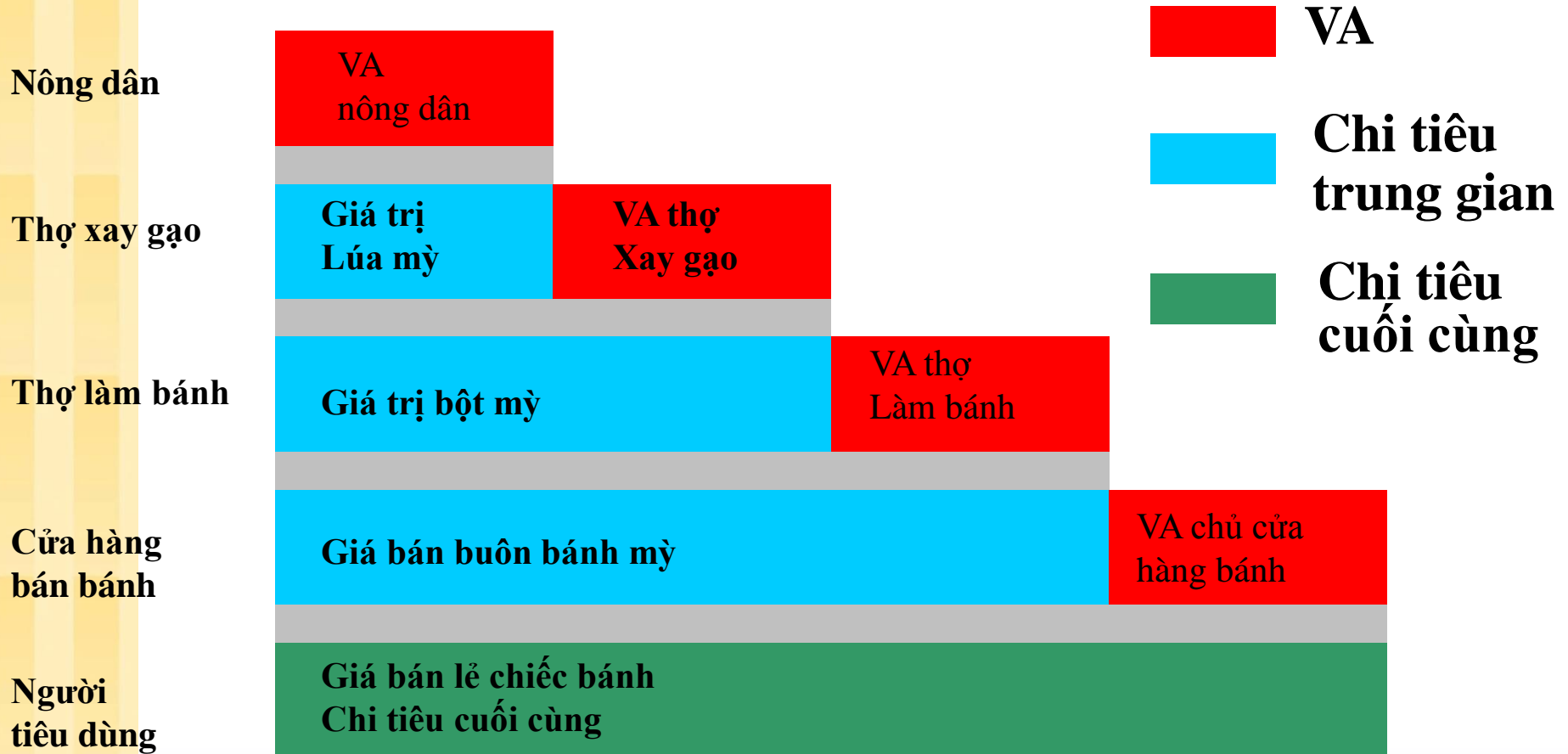
## Định nghĩa:

Giá trị gia tăng của một hãng là giá trị của các đầu ra của hãng trừ đi giá trị của các hàng hóa trung gian được sử dụng để sản xuất các đầu ra này.

# Bài tập áp dụng

- Một người nông dân trồng một vụ lúa mì và bán  $\frac{1}{2}$  cho một người thợ xay với giá 1 đôla và để lại  $\frac{1}{2}$  ở nhà để ăn.
- Người thợ xay sau khi xay gạo thành bột bán nó cho một người thợ làm bánh với giá 3 đôla.
- Người thợ làm bánh sử dụng số bột trên để làm ra một ổ bánh mì rồi bán cho một cửa hàng bánh mì với giá 5 đôla
- Cửa hàng bánh mì bán cho 1 bạn sinh viên với giá 6 đôla.
- Bạn sinh viên chia cho người yêu một  $\frac{1}{2}$  cái bánh mì và cùng nhau ăn hết. *Hãy tính*
  - *Giá trị gia tăng ở mỗi giai đoạn của quá trình làm bánh*
  - *GDP*

# Phương pháp Giá trị gia tăng...





# Hàng hóa cuối cùng, giá trị gia tăng và GDP

- GDP = tổng giá trị gia tăng của các hàng hóa cuối cùng  
= tổng giá trị gia tăng ở tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất.
- Giá trị gia tăng của hàng hóa cuối cùng đã bao gồm giá trị của tất cả các hàng hóa trung gian, vì vậy nếu cộng giá trị của các hàng hóa trung gian vào GDP thì chúng sẽ được tính hai lần.
- Do đó, Tổng chi tiêu = Tổng thu nhập = Tổng giá trị gia tăng

# Imputed Value

---

- Giá thuê nhà sẽ được tính trong GDP
  - Chi tiêu của người thuê nhà và thu nhập của chủ nhà
- Đối với người chủ sở hữu các căn nhà:
  - Họ tự trả chính mình tiền thuê
- Các dịch vụ của công an, lính cứu hỏa và các nhân viên chính phủ:
  - Tất cả hàng hóa và dịch vụ công cộng
- Chúng đều được tính trong GDP.

Câu hỏi: Thu nhập của những người buôn ma túy?

# Các khoản chi tiêu trong GDP

---

- Tiêu dùng
- Đầu tư
- Chi tiêu chính phủ
- Xuất khẩu ròng

# Tiêu dùng (C)

ĐN: giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ mà các hộ tiêu dùng mua. Bao gồm:



- **Hàng hóa lâu bền**  
tồn tại trong thời gian dài: ô tô, dụng cụ...
- **Hàng hóa nhanh hỏng**  
tồn tại trong thời gian ngắn: thực phẩm, quần áo...
- **Dịch vụ**  
các công việc phục vụ cho người tiêu dùng: dịch vụ giặt là, du lịch hàng không

# Đầu tư (I)

---

ĐN1: chi tiêu vào vốn (các yếu tố sản xuất).

ĐN2: chi tiêu mua sắm các hàng hóa dùng trong tương lai.

Bao gồm:

- ***Đầu tư cố định trong kinh doanh:***

Chi tiêu vào nhà xưởng, máy móc mà hãng sẽ sử dụng để sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ khác.

- ***Đầu tư cố định của người dân:***

Chi tiêu mua nhà ở của người tiêu dùng và các chủ cho thuê nhà

- ***Đầu tư vào nhà xưởng:***

Thay đổi trong giá trị của hàng tồn kho của các hãng

# Đầu tư và Vốn

---

- Vốn là một yếu tố sản xuất. Ở bất kì thời điểm nào, nền kinh tế cũng có một lượng vốn tích lũy nhất định.
- Đầu tư là chi tiêu trên hàng hóa vốn mới.

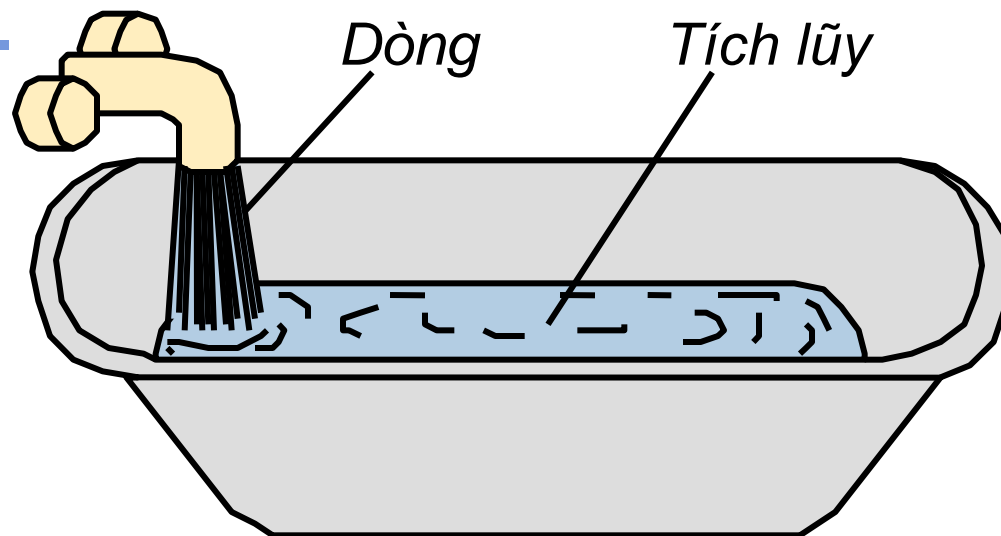
# Đầu tư và Vốn

---

Ví dụ: *(giả định các mức giá là không đổi):*

- 1/1/2012:  
nền kinh tế có lượng vốn là 500 tỉ đôla
- Năm 2012:  
đầu tư = 37 tỉ đôla
- 1/1/2013:  
nền kinh tế sẽ có tổng lượng vốn là 537 tỉ đôla

# Lượng tích lũy và lượng dòng



Ví dụ:

<i>tích lũy</i>	<i>dòng</i>
tài sản của 1 người	số tiền tiết kiệm của một người
tổng số người có bằng tốt nghiệp ĐH	số người mới tốt nghiệp ĐH
nợ chính phủ	thâm hụt ngân sách CP



# Đầu tư là gì?

- Lee mua cho mình một ngôi nhà (đã 9 năm tuổi).
- Smith xây một ngôi nhà mới.\*

-----

- Bill mua 10 tr. Đôla từ một người nào đó ATT stock
- Hyundai bán 100 tr. Đôla trong kho của mình và mua một nhà máy ô tô mới ở LA.\*
- -----
- Những khoản chi tiêu nào được gọi là đầu tư và được tính trong GDP? Tại sao?

# Chi tiêu chính phủ (G)

---

- **G** bao gồm tất cả các khoản chi tiêu của chính phủ vào hàng hóa và dịch vụ.
- **G** không bao gồm các khoản thanh toán chuyển nhượng (vd: trợ cấp thất nghiệp) vì nó không phản ánh chi tiêu vào hàng hóa và dịch vụ.

# Một đồng nhất thức quan trọng

---

$$\mathbf{Y} = \mathbf{C} + \mathbf{I} + \mathbf{G} + \mathbf{NX}$$

Trong đó

$\mathbf{Y} = \text{GDP} =$  tổng giá trị sản lượng

$\mathbf{C} + \mathbf{I} + \mathbf{G} + \mathbf{NX} =$  tổng chi tiêu

# GDP: một khái niệm quan trọng

---

Chúng ta đã biết rằng: GDP đo lường

- Tổng thu nhập
- Tổng sản lượng
- Tổng chi tiêu
- Tổng giá trị gia tăng trong tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất ra hàng hóa cuối cùng

# GDP: một khái niệm quan trọng

---

Tổng sản phẩm trong nước (quốc nội)  
(Gross Domestic Product - GDP)

- Là **tổng giá trị thị trường** của tất cả hàng hóa và dịch vụ **cuối cùng** được sản xuất ra **trong phạm vi một nước, trong một thời kỳ nhất định.**

# GNP và GDP

- **Tổng sản phẩm quốc dân (GNP):**  
tổng thu nhập của các yếu tố sản xuất của một nước, bất kể nó được đặt ở đâu
  - **Tổng sản phẩm quốc nội (GDP):**  
tổng thu nhập của các yếu tố sản xuất được đặt trong lãnh thổ của một nước, bất kể nó thuộc sở hữu của quốc gia nào
- $(GNP - GDP) = (\text{các khoản trả cho người nước ngoài})$   
–  $(\text{các khoản thu nhập từ nước ngoài chuyển về})$

# Câu hỏi thảo luận:

---

Ở Việt Nam, bạn muốn chỉ số nào lớn hơn, GDP hay GNP?  
Tại sao?

- Sản phẩm quốc dân ròng (NNP) = GNP – khấu hao
- Thu nhập quốc dân (NI) = NNP – thuế trực thu
- Thu nhập cá nhân (PI) = NI - .. + .. (tr.28)
- Thu nhập cá nhân khả dụng (DPI) = PI – Thuế



# GDP thực tế và danh nghĩa

---

- GDP là giá trị của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra.
- **GDP danh nghĩa** đo lường các giá trị này theo các mức giá hiện tại.
- **GDP thực tế** đo lường các giá trị trên theo các mức giá của một năm cơ sở.

# GDP danh nghĩa và thực tế...

- GDP danh nghĩa (Nominal: n) tính theo giá hiện hành:

$$GDP_n^t = \sum_{i=1}^n Q_i^t \times P_i^t$$

- GDP thực tế (Real: r) tính theo giá cố định của năm gốc/cơ sở.

$$GDP_r^t = \sum_{i=1}^n Q_i^t \times P_i^0$$

# GDP thực tế không bị ảnh hưởng bởi lạm phát

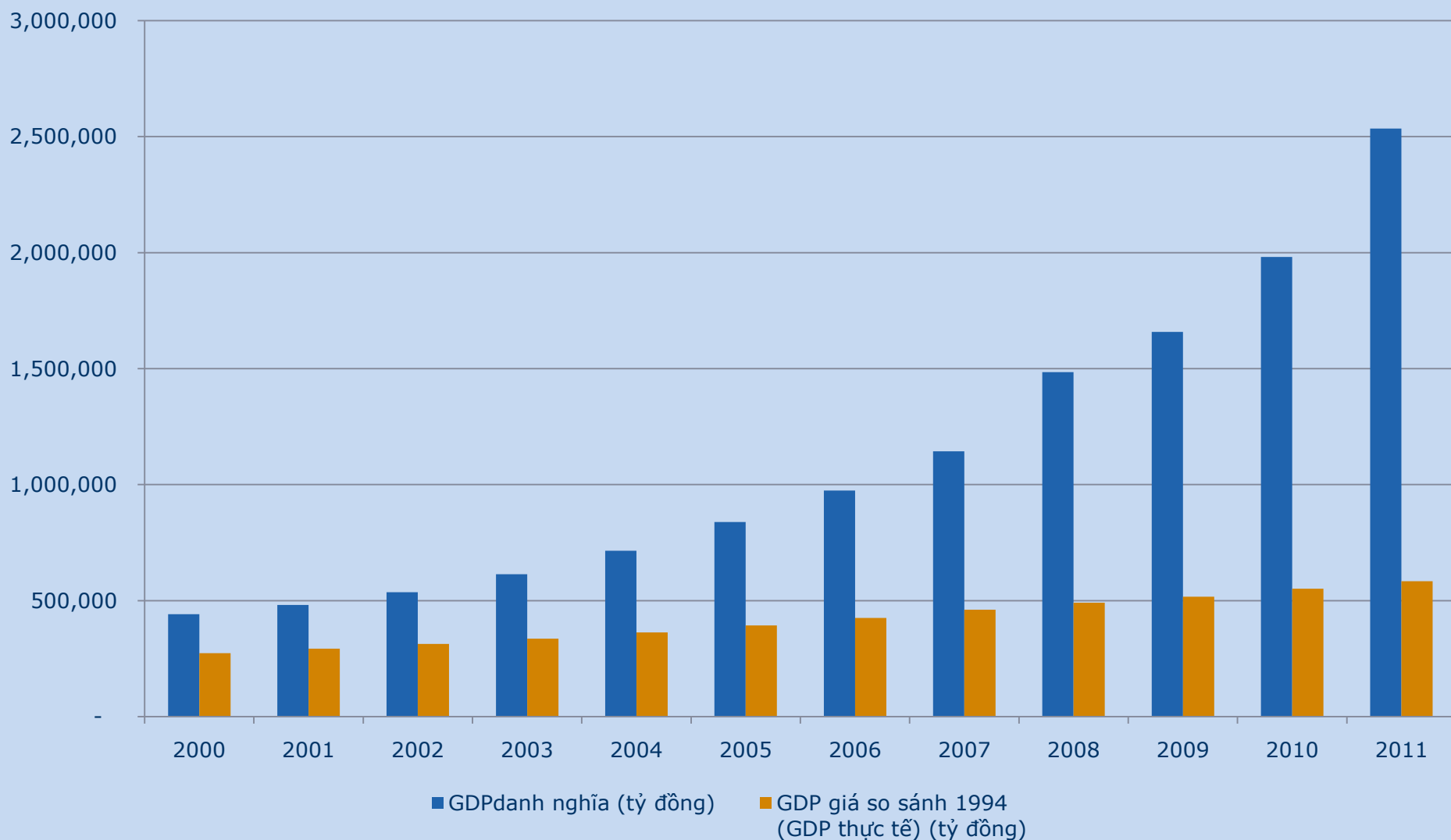
---

Thay đổi trong GDP thực tế có thể là do:

- Các mức giá thay đổi
- Thay đổi trong tổng sản lượng

Thay đổi trong GDP thực tế chỉ do thay đổi trong tổng sản lượng bởi GDP thực tế được đo lường với các mức giá của một năm cơ sở.

# GDP danh nghĩa và GDP thực tế ở VN 2000 - 2011



# *Bài tập thực hành, phần 1*

	2001		2002		2003	
	P	Q	P	Q	P	Q
Hàng hóa A	\$30	900	\$31	1,000	\$36	1,050
Hàng hóa B	\$100	192	\$102	200	\$100	205

- Tính GDP danh nghĩa hàng năm
- Tính GDP thực tế mỗi năm, lấy năm 2001 làm năm gốc.

# Chỉ số điều chỉnh GDP

- **Tỉ lệ lạm phát** là phần trăm tăng lên trong mức giá chung của nền kinh tế
- Một thước đo của mức giá chung là **chỉ số điều chỉnh GDP** được đo bằng:

$$\text{chỉ số điều chỉnh GDP} = \frac{\text{GDP danh nghĩa}}{\text{GDP thực tế}}$$

## Bài tập thực hành, phần 2

	GDP <sub>dn</sub>	GDP <sub>tt</sub>	Chỉ số điều chỉnh GDP	Tỉ lệ lạm phát
2001	\$46,200	\$46,200		<i>n.a.</i>
2002	51,400	50,000		
2003	58,300	52,000		

- Sử dụng kết quả phần trước tính hệ số điều chỉnh GDP mỗi năm.
- Từ các kết quả thu được tính tỉ lệ lạm phát từ năm 2001 đến năm 2002, và từ năm 2002 đến năm 2003.

# Tính toán phần trăm thay đổi

*Thuật toán #1* Với hai biến bất kì  $X$  và  $Y$ , phần trăm thay đổi của  $(X \times Y) \approx$  phần trăm thay đổi của  $X$  + phần trăm thay đổi của  $Y$

VD: Nếu lương/giờ của bạn tăng 5%, và số giờ làm việc của bạn tăng 7%, lương của bạn sẽ tăng xấp xỉ 12%.

$$d(XY) = Y dX + X dY$$

$$\rightarrow d(XY)/(XY) = dX/X + dY/Y$$

$$\% \text{ thay đổi của } X.Y = \% \text{ thay đổi của } X + \% \text{ thay đổi của } Y$$



# Tính toán phần trăm thay đổi

## *Thuật toán #2*

phần trăm thay đổi của  $(X/Y)$

$\approx$  phần trăm thay đổi của  $X$  – phần trăm thay đổi của  $Y$

VD: chỉ số điều chỉnh GDP =  $100 \times (\text{GDP}_{\text{dn}}/\text{GDP}_{\text{tt}})$

Nếu  $\text{GDP}_{\text{dn}}$  tăng 9%,  $\text{GDP}_{\text{tt}}$  tăng 4%, tỉ lệ lạm phát sẽ tăng xấp xỉ 5%.

# Chain-weighted Real GDP

- Theo thời gian, các mức giá tương đối thay đổi, vì vậy năm cơ sở cần được cập nhật định kì.
- Thực tế, “chain-weighted Real GDP” cập nhật năm cơ sở hàng năm.
- Điều này làm chain-weighted GDP chính xác hơn GDP thực tế tính theo các mức giá cố định.
- Tuy nhiên hai thước đo này có tương quan với nhau, và GDP thực tế tính theo các mức giá cố định để tính toán hơn.
- ...đó là lí do vì sao chúng ta sẽ chủ yếu sử dụng thước đo GDP thực tế theo các mức giá cố định.

# Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

---

- Đo lường mức giá chung của nền kinh tế
- Do Tổng cục thống kê (GSO) đưa ra
- Được sử dụng để
  - Theo dõi những thay đổi trong giá cả sinh hoạt
  - Điều chỉnh các hợp đồng theo lạm phát
  - Cho phép so sánh các số liệu tính theo tiền ở các năm khác nhau

# Tổng cục thống kê tính CPI như thế nào?

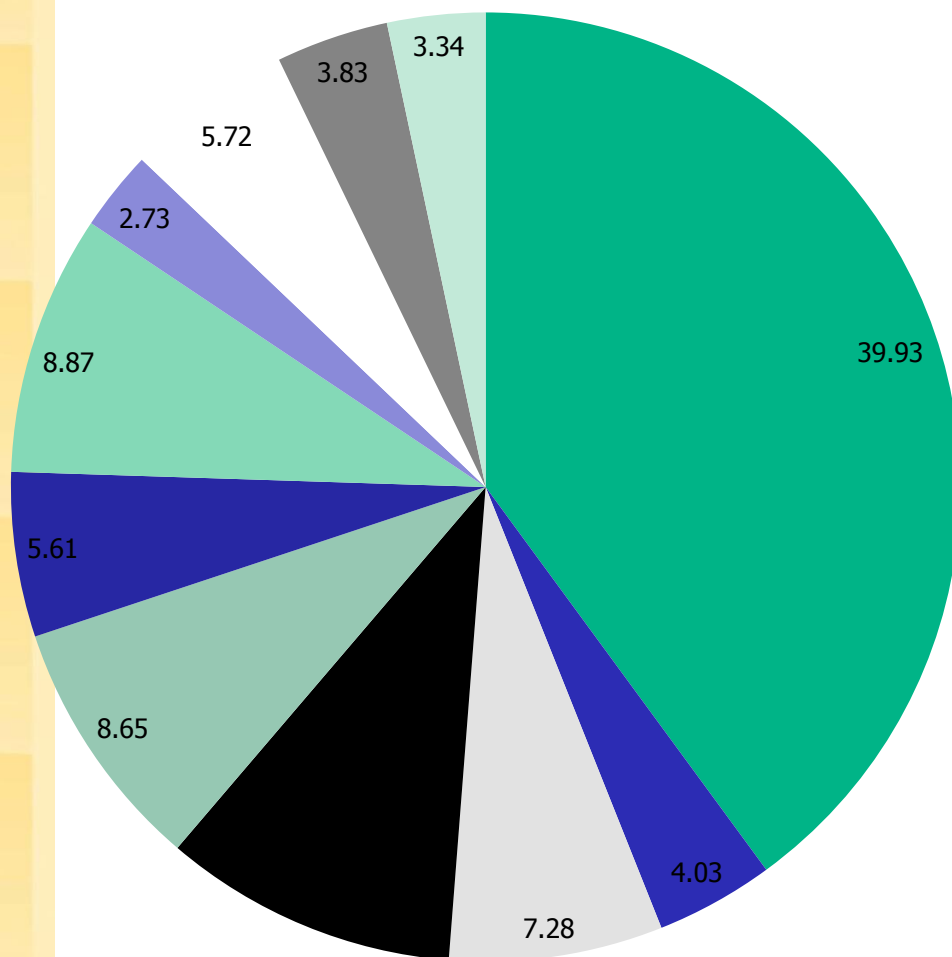
1. Điều tra những người tiêu dùng để xác định giỏ hàng hóa tiêu dùng tiêu biểu
2. Hàng tháng, cập nhật số liệu về giá cả của tất cả các mặt hàng trong giỏ hàng, tính ra giá của giỏ hàng.
3. CPI mỗi tháng bằng:

$$100 \frac{\text{Giá của giỏ hàng hóa trong tháng đó}}{\text{Giá giỏ hàng hóa đó ở tháng cơ sở}}$$

# Quyền số tính chỉ số giá tiêu dùng ở Việt Nam điều chỉnh 2010

I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	39.93
1. Lương thực	8.18
2. Thực phẩm	24.35
3. Ăn uống ngoài gia đình	7.4
II. Đồ uống và thuốc lá	4.03
III. May mặc, mũ nón, giày dép	7.28
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	10.01
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	8.65
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	5.61
VII. Giao thông	8.87
VIII. Bưu chính viễn thông	2.73
IX. Giáo dục	5.72
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	3.83
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	3.34

# Các nhóm hàng hóa trong giỏ hàng hóa tiêu biểu của VN 2010



- I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống
- II. Đồ uống và thuốc lá
- III. May mặc, mũ nón, giày dép
- IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng
- V. Thiết bị và đồ dùng gia đình
- VI. Thuốc và dịch vụ y tế
- VII. Giao thông
- VIII. Bưu chính viễn thông
- IX. Giáo dục
- X. Văn hoá, giải trí và du lịch
- XI. Hàng hoá và dịch vụ khác

# *Lí do vì sao CPI có thể lớn hơn tỉ lệ lạm phát?*

---

- **Không tính tới tác động thay thế:** CPI sử dụng các tỉ trọng cố định, vì vậy nó không phản ánh khả năng người tiêu dùng chuyển sang mua các hàng hóa có giá tương đối giảm.
- **Các hàng hóa mới xuất hiện:** Sự ra đời của các sản phẩm mới làm lợi hơn cho người tiêu dùng, và thực tế, tăng giá trị thực của đồng tiền. Nhưng nó không làm giảm CPI vì CPI sử dụng các tỉ trọng cố định.
- **Không đo lường được những thay đổi trong chất lượng sản phẩm:** sự tăng lên trong chất lượng sản phẩm làm tăng giá trị của đồng tiền, nhưng thường không được đo lường một cách đầy đủ

# CPI và chỉ số điều chỉnh GDP

---

Giá của hàng hóa vốn:

- Được tính đến trong chỉ số điều chỉnh GDP (nếu được sản xuất trong nước)
- Không được tính đến trong CPI

Giá của hàng tiêu dùng nhập khẩu:

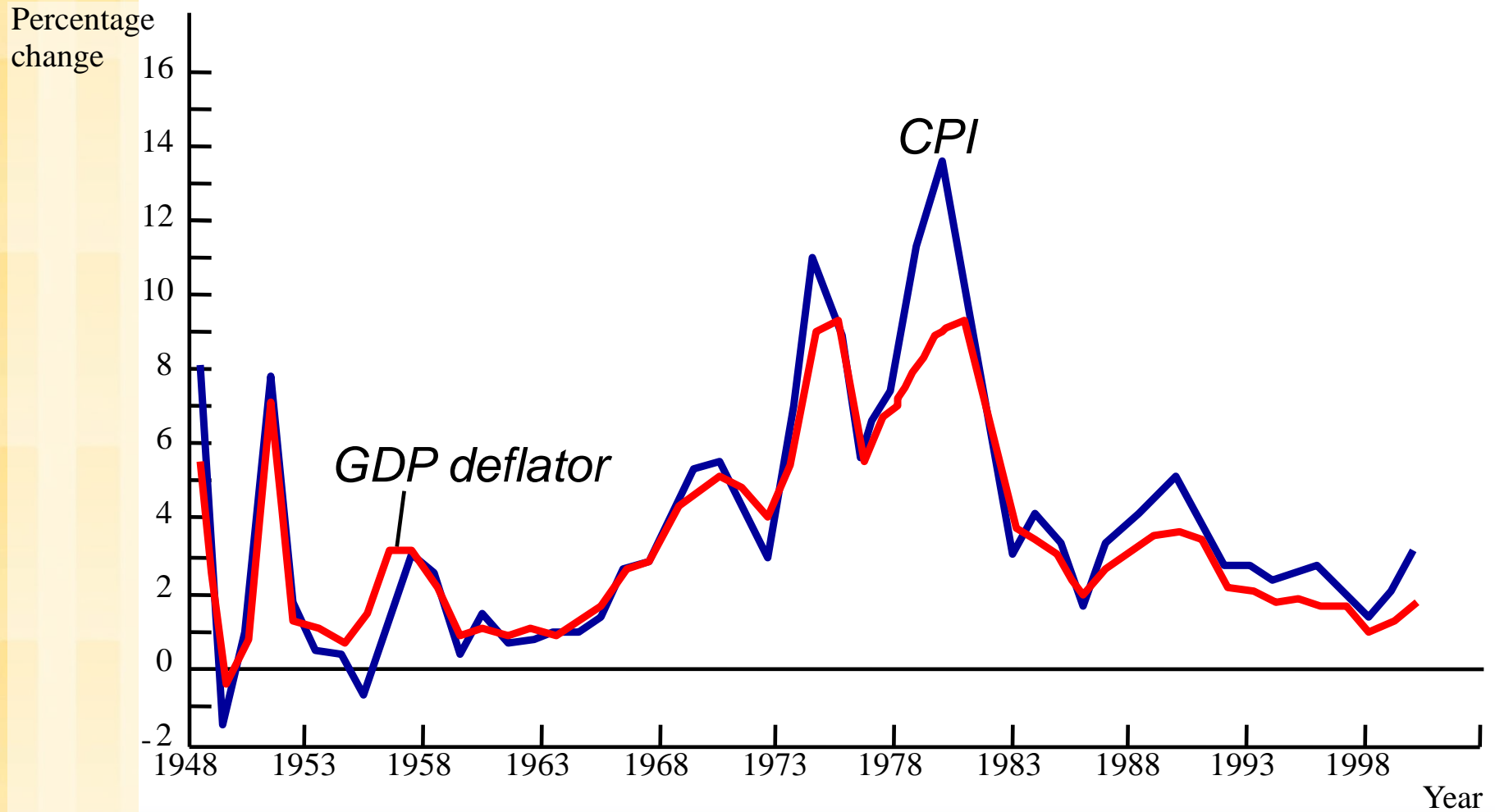
- Đã bao gồm trong CPI
- Không được tính đến trong chỉ số điều chỉnh GDP

Giỏ hàng hóa:

- CPI: cố định
- Chỉ số điều chỉnh GDP: thay đổi hàng năm



# Hai thước đo lạm phát



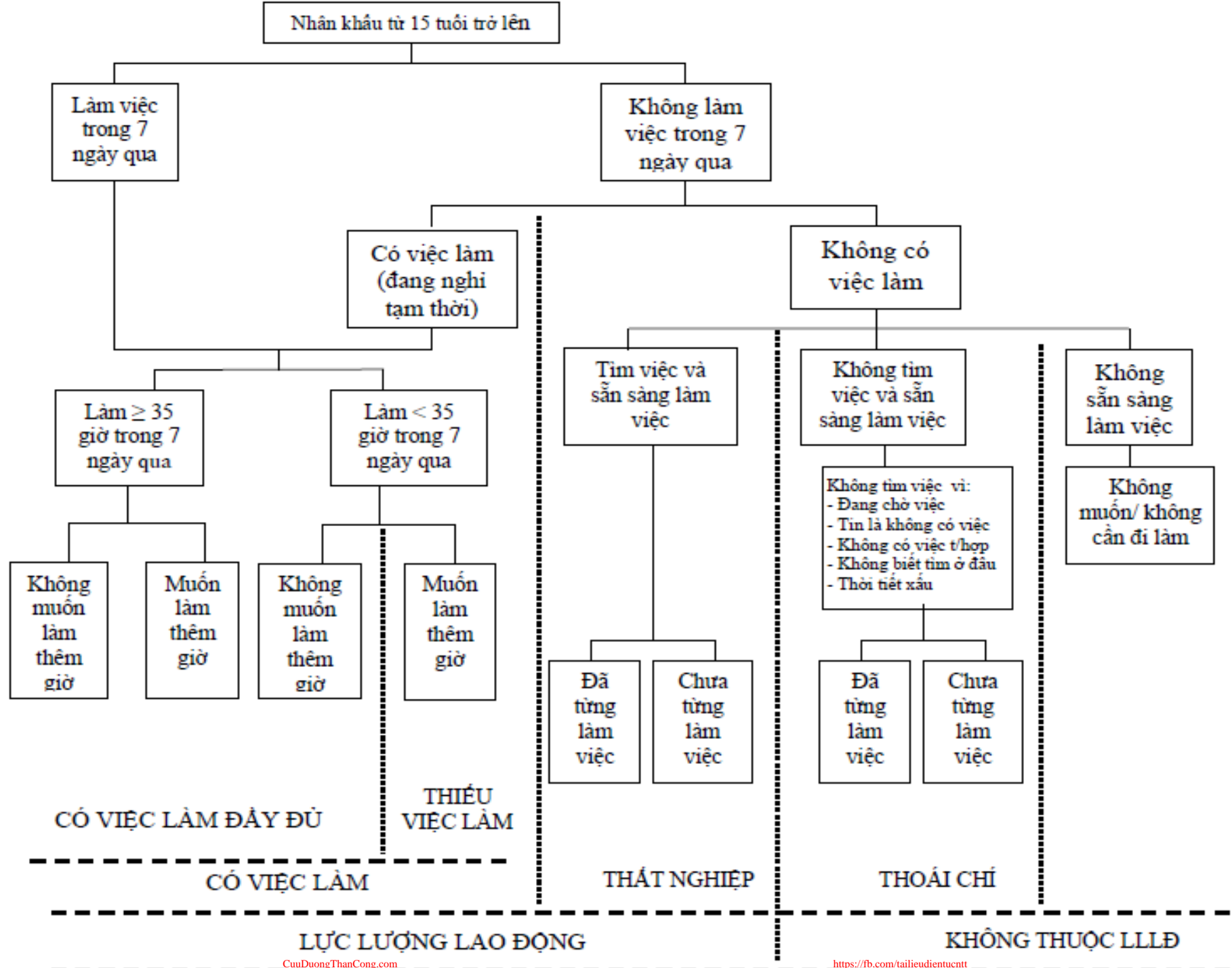
# Đo lường thất nghiệp

Lực lượng lao động (hay dân số hoạt động kinh tế): bao gồm những người từ 15 tuổi trở lên đang làm việc và những người thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu

$LLLĐ = \text{Số người có việc làm} + \text{Số người thất nghiệp}$

-> Những người thuộc lực lượng lao động có đặc điểm chung nhất là **đều muốn làm việc và trên 15 tuổi**

Tỷ lệ thất nghiệp: Phản ánh tỷ lệ % số người thất nghiệp so với LLLĐ



# Đo lường thất nghiệp

---

$$\text{Tỷ lệ tham gia LF thô (\%)} = \frac{\text{LLLĐ}}{\text{Tổng dân số}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ tham gia LF chung (\%)} = \frac{\text{LLLĐ}}{\text{Dân số 15 tuổi trở lên}} \times 100$$

$$\text{Tỷ lệ thất nghiệp (\%)} = \frac{\text{Số người thất nghiệp}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100$$

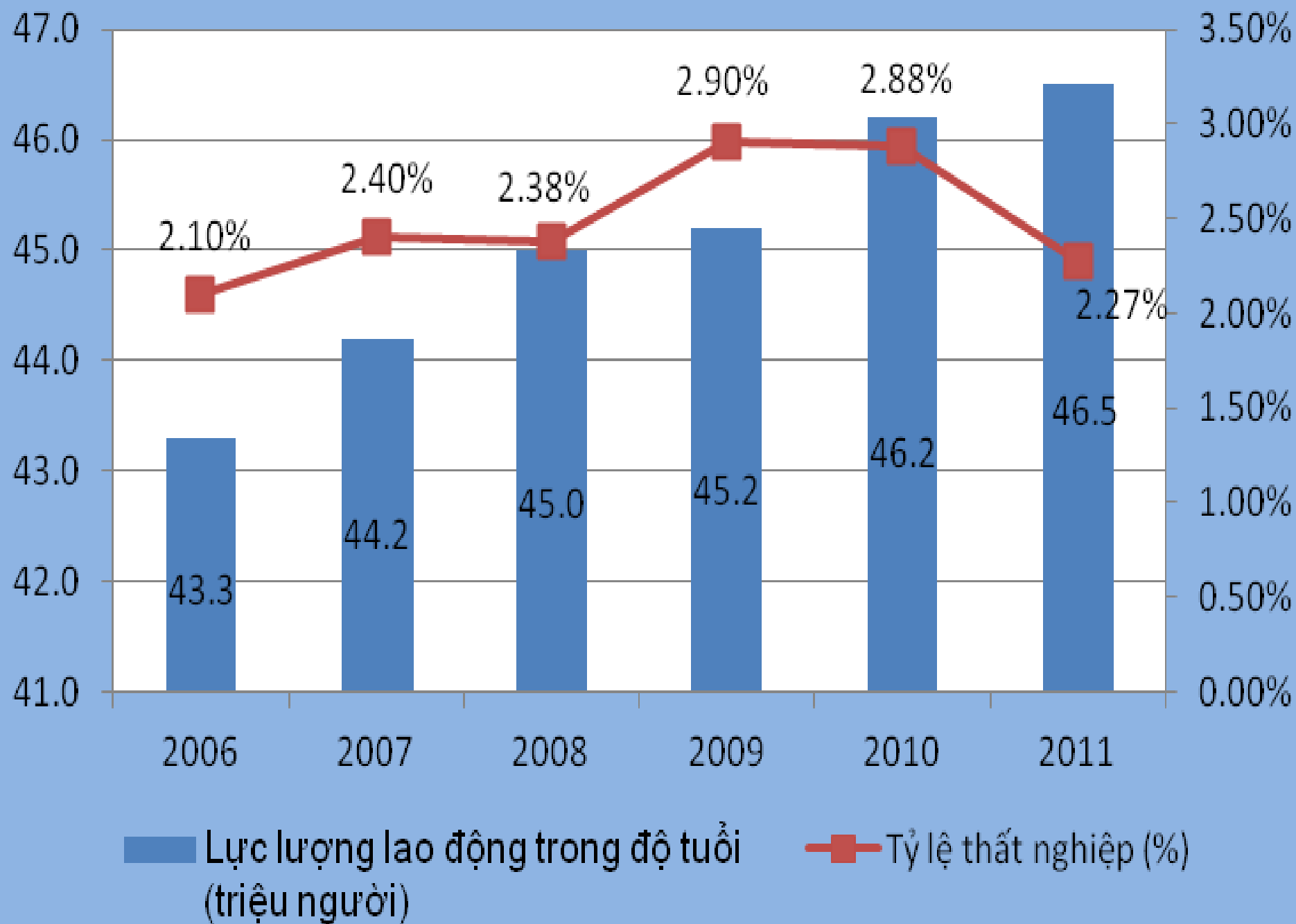
# Hai khái niệm quan trọng về lực lượng lao động

---

- ***Tỉ lệ thất nghiệp***  
Phần trăm của lực lượng lao động không có việc làm
- ***Tỉ lệ tham gia vào lực lượng lao động***  
số người trong độ tuổi lao động tham gia vào lực lượng lao động

# Thất nghiệp tự nhiên và chu kỳ

- Thất nghiệp tự nhiên là mức thất nghiệp bình thường mà nền kinh tế phải chịu (là tỷ lệ thất nghiệp không tạo ra lạm phát)
- Thất nghiệp chu kỳ biểu thị những biến động của thất nghiệp xung quanh mức tự nhiên. Nó gắn liền với những dao động của nền kinh tế trong ngắn hạn.



# Bài tập: tính các chỉ số về lực lượng lao động

## **Số người trong độ tuổi lao động ở Mỹ, th. 4 năm 2002**

Số người có việc làm	=	134.0 triệu
Số người thất nghiệp	=	8.6 triệu
Số người trong độ tuổi lao động	=	213.5 triệu

Sử dụng số liệu trên để tính:

- Lực lượng lao động
- Số người không ở trong lực lượng lao động
- Tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động
- Tỷ lệ thất nghiệp



# Tóm tắt

---

1. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đo lường tổng thu nhập và tổng chi tiêu trên hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước.
2. GDP danh nghĩa đo lường giá trị sản lượng theo các mức giá hiện tại; GDP thực tế đo lường giá trị sản lượng theo các mức giá cố định. Thay đổi trong sản lượng làm thay đổi cả hai số đo trên, nhưng thay đổi trong giá cả chỉ ảnh hưởng tới GDP danh nghĩa
3. GDP là tổng của tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng.

# Tóm tắt

4. Các mức giá chung có thể được đo lường thông qua:
  - Chỉ số giá hàng tiêu dùng (CPI), mức giá chung của một giỏ hàng hóa tiêu dùng điển hình
  - Chỉ số giảm phát GDP, tỉ số của GDP danh nghĩa trên GDP thực tế.
5. Tỉ lệ thất nghiệp là phần trăm số người không có việc làm trong lực lượng lao động. Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng, tỉ lệ tăng trưởng của GDP thực tế giảm.